

## **BÁO CÁO**

**sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường  
sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng**

-----  
Thực hiện Công văn số 1269-CV/TU, ngày 28/02/2023 của Tỉnh ủy Lai Châu về sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư, Huyện ủy Tam Đường báo cáo kết quả thực hiện, như sau:

### **Phần I**

#### **Tình hình tổ chức, triển khai Chỉ thị số 13-CT/TW**

#### **I. CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, QUÁN TRIỆT, HỌC TẬP CHỈ THỊ**

Huyện ủy kịp thời ban hành kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Trung ương để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt Chỉ thị trong toàn huyện<sup>1</sup>; phân công các đồng chí Thường trực Huyện ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện quán triệt tại hội nghị cán bộ cấp huyện; chỉ đạo các chi, đảng bộ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của Chỉ thị đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp. Kết quả, toàn huyện tổ chức 26 hội nghị, với 3.050 lượt người tham gia học tập (trong đó: đảng viên 2.088/2.450 người, đạt 85,2%; công chức, viên chức chưa là đảng viên 962/1.346 người đạt 71,5%).

#### **II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, CỤ THỂ HÓA THỰC HIỆN CHỈ THỊ TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch số 89-KH/HU, ngày 13/7/2017 về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trong đó, xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và phân công nhiệm vụ cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư trên địa bàn huyện, đồng thời lãnh đạo UBND huyện hằng năm cụ

<sup>1</sup> Kế hoạch số 69-KH/HU, ngày 01/3/2017 về tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Trung ương.



thể hóa thành các văn bản để chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị. Trong 5 năm, UBND huyện đã ban hành 16 văn bản<sup>2</sup> (03 Kế hoạch, 05 Chỉ thị, 08 Công văn).

## Phần II

### Tình hình thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW

#### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 13-CT/TW

**1. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương**

##### *1.1. Đối với công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức*

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan tuyên truyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các chi, đảng bộ cơ sở tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư bằng nhiều hình thức phù hợp, chú trọng phát huy hình thức tuyên truyền miệng (*tại các buổi sinh hoạt chi bộ, họp cơ quan, sinh hoạt đoàn thể, họp bản, hội nghị báo cáo viên, hội nghị thông tin thời sự*), hệ thống loa truyền thanh, truyền hình. Qua đó, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, cộng đồng dân cư về công tác bảo vệ và phát triển rừng; thấy rõ được vai trò quan trọng của rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu.

##### *1.2. Về trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương*

Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương nâng cao trách nhiệm trong công tác quán triệt, tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và Nhân dân trên địa bàn huyện đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng, thấy rõ được vai trò đặc biệt quan trọng của rừng

<sup>2</sup> Kế hoạch số 890/KH-UBND, ngày 26/9/2017 của UBND huyện về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng năm 2017, Kế hoạch số 222/KH-UBND, ngày 23/3/2018 của UBND huyện về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng năm 2018, Kế hoạch số 481/KH-UBND, ngày 05/05/2020 của UBND huyện về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng năm 2020, Chỉ thị số 08/CT-UBND, ngày 04/12/2017 của UBND huyện về việc tăng cường các biện pháp trong công tác quản lý bảo vệ rừng và PCCCR mùa khô năm 2017-2018; Chỉ thị số 04/CT-UBND, ngày 03/12/2018 của UBND huyện về việc tăng cường các biện pháp trong công tác quản lý bảo vệ rừng và PCCCR mùa khô năm 2018-2019, Chỉ thị số 07/CT-UBND, ngày 14/11/2019 của UBND huyện về việc tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và PCCCR mùa khô năm 2019 - 2020, Chỉ thị số 03/CT-UBND, ngày 04/11/2020 của UBND huyện về tăng cường công tác Quản lý bảo vệ rừng và PCCCR mùa khô năm 2020-2021; Chỉ thị số 03/CT-UBND, ngày 30/9/2021 của UBND huyện về tăng cường công tác Quản lý bảo vệ rừng và PCCCR mùa khô năm 2021-2022.



đổi với sự phát triển kinh tế - xã hội. Xác định rõ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ chính trị, thường xuyên, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Qua đó, đã nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

**2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng. Kiện toàn, củng cố cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương; bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về lâm nghiệp, khắc phục sự chồng chéo, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, khả thi**

### ***2.1. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước***

Chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững từ huyện tới cơ sở; thực hiện tốt trách nhiệm quản lý Nhà nước về lâm nghiệp theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, đồng thời gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện có hiệu quả các chính sách của Nhà nước về lâm nghiệp; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng; hằng năm có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ cho công chức, viên chức phụ trách lĩnh vực lâm nghiệp.

Chỉ đạo các xã, thị trấn kiện toàn, củng cố hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương giải quyết những vấn đề liên quan đến rừng, đất lâm nghiệp theo đúng thẩm quyền; tiếp tục thực hiện tốt công tác giao khoán bảo vệ rừng theo chính sách Chi trả dịch vụ môi trường rừng; tăng cường công tác khoanh nuôi, tái sinh rừng, sử dụng và thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ trồng rừng, trồng cây phân tán, qua đó đã tăng tỷ lệ độ che phủ rừng từ 44,3% năm 2017 lên 50,41% năm 2022.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT trong tổ chức thực hiện Quyết định số 177/QĐ-TTg, ngày 10/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021-2030, với mục tiêu nhằm nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm tại địa phương. Từ năm 2017 đến năm 2022, các cơ quan chức năng phát hiện 134 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Lâm nghiệp; đã xử lý 134/134 vụ, tổng số tiền thu nộp ngân sách Nhà nước trên 1.319 triệu đồng.

***2.2. Về hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về lâm nghiệp, khắc phục sự chồng chéo, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, khả thi***

Quan tâm lãnh đạo HĐND, UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tích cực nghiên cứu hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về lâm nghiệp; kiến nghị với



cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các văn bản chưa phù hợp với thực tiễn để kịp thời khắc phục sự chông chéo, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, khả thi trong tổ chức thực hiện.

### ***2.3. Tăng cường sự phối hợp giữa địa phương và các sở, ngành, các địa phương khác để thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng***

Chỉ đạo UBND huyện tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và thực hiện tốt Quy chế phối hợp với các huyện giáp ranh để thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

### ***2.4. Công tác phòng, chống cháy và sạt lở đất rừng***

Thường xuyên chỉ đạo cùng cố, kiện toàn, xây dựng quy chế hoạt động Ban Chỉ huy PCCR cấp huyện, xã, tổ chuyên trách bảo vệ rừng các thôn bản; hằng năm tổ chức hội nghị tổng kết công tác bảo vệ rừng, PCCCR, sạt lở đất rừng và đề ra phương hướng, nhiệm vụ bảo vệ rừng, PCCCR mùa khô, sạt lở đất rừng mùa mưa; làm tốt công tác tuyên truyền quản lý, bảo vệ rừng và PCCCR, sạt lở đất rừng cho các chủ rừng và Nhân dân trên địa bàn toàn huyện. Quan tâm chỉ đạo ký cam kết bảo vệ rừng và PCCCR giữa Chủ tịch UBND xã, thị trấn với Chủ tịch UBND huyện; các trường bản ký cam kết với Chủ tịch UBND xã; các hộ gia đình, trường học, học sinh ký cam kết với trường bản; duy trì 08 bảng tường tuyên truyền trực quan phòng cháy chữa cháy rừng, 07 bảng cấp dự báo cháy rừng; tổ chức phát quang 100 điểm cấm biển cấm đốt rừng, 60 điểm cấm biển cấm chặt phá rừng ở các khu vực nhạy cảm, có nguy cơ cao về cháy rừng tại 13 xã, thị trấn; tổ chức lực lượng ứng trực 24/24 giờ trong mùa khô hanh, bố trí lực lượng canh phòng, kiểm soát chặt chẽ người vào khu vực rừng có nguy cơ cháy cao; tổ chức 05 cuộc diễn tập ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn tại xã; duy trì công tác thông tin phối hợp vùng giáp ranh Vườn Quốc gia Hoàng Liên trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng giữa 04 Hạt Kiểm lâm: Sa Pa, Hoàng Liên Sơn (tỉnh Lào Cai), Tam Đường, Tân Uyên (tỉnh Lai Châu) và 02 Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tam Đường, huyện Tân Uyên; phối hợp với các cơ quan báo, đài xây dựng các bài phóng sự tuyên truyền về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

### ***2.5. Quản lý dân di cư tự do cả nơi đi và nơi đến***

Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị chức năng huyện, chính quyền các xã, thị trấn thực hiện tốt việc thống kê, quản lý di dân tự do trên địa bàn (cả đi và đến), kịp thời phát hiện tình trạng di cư tự do, xâm canh, phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, kịp thời giải quyết khó khăn về đời sống đối với Nhân dân.



## **2.6. Tình hình củng cố, xây dựng lực lượng tại địa phương để thực thi công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng**

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiện toàn, củng cố lực lượng thực thi công tác quản lý bảo vệ rừng; phân công rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan làm công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp; thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng công an, quân đội, kiểm lâm để thực thi hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng các tổ chuyên trách bảo vệ và phát triển rừng. Đến nay, huyện có 01 Ban Chỉ đạo cấp huyện 33 đồng chí, 13 Ban Chỉ đạo cấp xã, thị trấn 396 đồng chí, 01 Hạt Kiểm lâm 16 đồng chí, 116 tổ chuyên trách bảo vệ rừng, PCCCR với 8.494 người.

## **3. Rà soát, đánh giá, kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế, xã hội có tác động đến diện tích, chất lượng rừng**

Tăng cường công tác quản lý, giám sát chặt chẽ các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, nhất là đối với các dự án phát triển thủy điện, khai thác khoáng sản, dịch vụ du lịch...; quan tâm công tác rà soát, đánh giá lại kết quả thực hiện và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường đối với các dự án chuyển đổi rừng, đất rừng sang phát triển sản xuất nông nghiệp, đồng thời xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật. Từ năm 2017 đến nay, trên địa bàn huyện có 08 dự án, công trình đề nghị thu hồi với diện tích 25,35 ha (đất rừng sản xuất 18,03 ha, đất rừng phòng hộ 7,32 ha); đã được chuyển mục đích là 0,39 ha rừng trồng phòng hộ.

## **4. Điều tra, đo đạc, xây dựng hồ sơ quản lý, phân định, đánh mốc ranh giới các loại rừng, giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật, hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp**

### **4.1. Công tác rà soát, xây dựng, phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng (rừng đặc dụng; rừng phòng hộ; rừng sản xuất)**

Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện điều tra, phân định rõ ranh giới quản lý rừng trên bản đồ và thực địa đến đơn vị hành chính cấp xã; đặc biệt ranh giới quản lý rừng với các huyện Sa Pa, Bát xát tỉnh Lào Cai, huyện Phong Thổ, Sìn Hồ tỉnh Lai Châu; quản lý đất rừng gắn với việc giao và sử dụng đất rừng đúng mục đích, khắc phục tình trạng tranh chấp đất rừng giữa các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư.

### **4.2. Tổ chức giao, cho thuê cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng**

Trên địa bàn huyện Tam Đường đã tổ chức giao rừng cho 05 cộng đồng bản tại xã Bản Hòn, theo Chương trình dự án "Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm thải CO<sub>2</sub>" và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích



đã giao là 967,65 ha (tính đến 30/12/2022), toàn bộ là diện tích rừng tự nhiên thuộc quy hoạch rừng sản xuất.

#### **4.3. Khắc phục và giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật**

Lãnh đạo, chỉ đạo UBND huyện và các cơ quan chuyên môn huyện, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác giáo dục, phổ biến pháp luật về đất đai và Luật Lâm nghiệp; tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai, lâm nghiệp, kịp thời phát hiện xử lý, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

**5. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương. Đẩy mạnh phát triển rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, trồng rừng, xúc tiến tái sinh phục hồi rừng, nâng cao giá trị đa dạng sinh học, dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên, nâng cao giá trị của rừng**

##### **5.1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ rừng**

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp luôn xác định công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ, việc làm thường xuyên, cũng là nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương nếu để xảy ra các vụ việc vi phạm phức tạp, nghiêm trọng về phá rừng, cháy rừng, khai thác lâm sản trái pháp luật thuộc lĩnh vực, địa phương mình quản lý hoặc đề cấp dưới của mình vi phạm các quy định về lĩnh vực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

##### **5.2. Công tác phát triển rừng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, phát triển kinh tế rừng, dịch vụ môi trường rừng, phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo vệ và phát triển rừng**

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia trồng, chăm sóc bảo vệ tốt diện tích rừng đã được nhà nước đầu tư; chỉ đạo triển khai chặt chẽ kế hoạch trồng rừng mới đảm bảo đúng tiến độ, mùa vụ, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trồng rừng. Đến nay, các dự án trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất, Mắc ca, Sơn tra của huyện đã được triển khai thực hiện với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị; sự đồng tình ủng hộ của Nhân dân trên địa bàn huyện, với mục đích sẽ góp phần đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân và trở thành cây trồng chủ lực, tạo đà phát triển kinh tế rừng bền vững.

Tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp, gắn với nâng cao chất lượng, năng suất rừng trồng; khuyến khích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trồng rừng bằng giống cây có năng suất, chất lượng cao theo



hướng thân thiện với môi trường. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 01 vườn ươm cây giống lâm nghiệp, huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả theo Thông tư 30/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính.

Tổng diện tích trồng rừng mới (trồng tập trung), trồng cây phân tán từ năm 2017 - 2022 là 602,16 ha, trong đó: trồng rừng sản xuất 596,48 ha, trồng cây phân tán là 5,68 ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên 13.466 lượt ha, diện tích chủ yếu là trạng thái Ic; sau 5 năm diện tích rừng khoanh nuôi tái sinh đã đạt độ tàn che 0,2-0,3 góp phần tăng độ che phủ rừng hằng năm. Tập trung chỉ đạo thực hiện các nhóm dự án như: Dự án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang xây dựng các công trình thủy điện và khai thác đá phiếm làm vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện, đã trồng được 127,08 ha.

Thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các hộ gia đình tham gia nhận khoán bảo vệ rừng; làm thay đổi nhận thức của người dân về bảo vệ và phát triển rừng, thúc đẩy chủ chương xã hội hóa nghề rừng. Tổng số tiền được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng từ năm 2017-2021 là 225,25 tỷ đồng; diện tích rừng sau khoán được người dân quản lý bảo vệ tốt, đảm bảo ổn định độ che phủ rừng, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do phá rừng, cháy rừng, khai thác rừng trái phép.

### ***5.3. Việc thực hiện chủ trương không chuyển diện tích rừng tự nhiên hiện có sang mục đích sử dụng khác***

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, do đó trên địa bàn huyện không có diện tích rừng tự nhiên chuyển sang mục đích khác.

### ***5.4. Việc thực hiện chủ trương dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên***

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện nghiêm chủ trương về dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên. Do vậy, trong những năm qua trên địa bàn huyện không có tổ chức, cá nhân nào khai thác gỗ rừng tự nhiên.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác khuyến khuyến lâm, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, như: gieo ươm giống, trồng rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng,... phục vụ cho tái cơ cấu nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, giá trị sản phẩm đảm bảo phù hợp với điều kiện hệ sinh thái từng vùng, từng loại rừng, ưu tiên phát triển các loài cây đa mục đích; phát triển hệ sinh thái rừng nhiều tầng kết hợp cây phòng hộ, cây kinh tế và lâm sản ngoài gỗ.



## **6. Chế biến và thương mại lâm sản**

Trên địa bàn huyện không có doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, chế biến gỗ; chủ yếu là các hộ gia đình, cá thể sản xuất, kinh doanh đồ mộc gia dụng như: giường, tủ, bàn, ghế ... phục vụ nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân; không có cơ sở nào tham gia vào xuất khẩu các sản phẩm ra nước ngoài. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 12 cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, chế biến gỗ với công nghệ thô sơ; lao động tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh gồm chủ hộ gia đình, vợ, con tham gia vào sản xuất, kinh doanh của cơ sở. Nguyên liệu đầu vào là gỗ nhập khẩu, gỗ rừng trồng, vườn nhà, cây trồng phân tán của Nhân dân địa phương; tổng giá trị sản phẩm sản xuất của các hộ gia đình kinh doanh, chế biến gỗ trong 5 năm ước đạt 05 tỷ đồng.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Kết quả đạt được**

Huyện ủy đã quan tâm lãnh đạo chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong việc thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tạo sự chuyển biến trong nhận thức, hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu về vai trò, tầm quan trọng của rừng.

Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng được triển khai thực hiện hiệu quả: Công tác quy hoạch, bảo vệ, phát triển rừng dần được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn, đồng bộ với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; các dự án phát triển kinh tế như thủy điện, khai thác khoáng sản, dịch vụ du lịch đầu tư trên địa bàn huyện đã quan tâm đánh giá tác động môi trường rừng và trồng rừng thay thế. Việc chuyển đổi rừng tự nhiên được kiểm soát chặt chẽ; ranh giới ba loại rừng, ranh giới quản lý rừng của các chủ rừng cơ bản được xác định trên bản đồ và thực địa; diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao, khoán sử dụng đúng mục đích; công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt; công tác phát triển rừng, trồng rừng thay thế được quan tâm thực hiện đúng tiến độ; độ che phủ rừng tăng qua các năm và đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, tăng thu nhập cho Nhân dân.

### **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

#### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công



tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng có thời điểm chưa thường xuyên; việc phát triển rừng chưa gắn được với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; thu nhập của người làm nghề rừng còn thấp, chưa ổn định; việc chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng và nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả còn hạn chế.

Chất lượng rừng trồng một số nơi chưa đạt yêu cầu, một số diện tích tỷ lệ cây sống thấp; thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng có mặt còn hạn chế, còn dễ xảy ra cháy rừng; việc triển khai chữa cháy rừng có vụ còn bị động, nhất là việc huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ; tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp lấy đất sản xuất, tự ý trồng cây dưới tán rừng, khai thác rừng trái phép còn xảy ra.

Chất lượng hoạt động của một số tổ chuyên trách bảo vệ và phát triển rừng tại một số xã còn hạn chế.

## **2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

### **2.2.1. Nguyên nhân khách quan**

Diện tích rừng lớn, chủ yếu ở địa hình hiểm trở, núi đá cao, độ dốc lớn, giao thông đi lại khó khăn; tình hình thời tiết khí hậu diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài; trình độ nhận thức của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế, đời sống khó khăn, ý thức bảo vệ và phát triển rừng chưa cao. Kinh phí đầu tư trong lâm nghiệp thấp, định mức đầu tư trồng rừng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng thấp; hiệu quả từ rừng đem lại chưa cao chưa thu hút được người dân tham gia vào nghề rừng.

### **2.2.2. Nguyên nhân chủ quan**

Công tác phối hợp giữa các ngành với cấp ủy, chính quyền cơ sở trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng có thời điểm chưa chặt chẽ. Một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự sâu sát, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

Một bộ phận người dân chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của rừng đối với đời sống và sản xuất của Nhân dân; còn có tư tưởng phân biệt rừng của tổ chức và rừng của cá nhân quản lý; còn trông chờ, y lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

## **3. Bài học kinh nghiệm**

*Một là:* Phải coi trọng, đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và Nhân dân, phù hợp với từng đối tượng, đồng bào, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm nâng cao nhận thức, từng bước làm thay đổi hành vi của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong việc thực hiện Chỉ thị.

*Hai là,* kịp thời cụ thể hóa việc thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của huyện;



quan tâm đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác quản lý bảo vệ rừng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phải phù hợp và sát với tình hình thực tế tại cơ sở, đồng thời tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

*Ba là.* Cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu phải xác định rõ trách nhiệm trong tổ chức thực hiện, phải xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết, phân công rõ người, rõ việc, đồng thời thực hiện tốt quy chế dân chủ trong quá trình thực hiện; người dân thực sự làm chủ thể, phát huy vai trò tích cực của các bản trong thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng.

*Bốn là:* Thực hiện tốt công tác kê khai, rà soát, xác định chủ rừng, diện tích rừng; xây dựng phương án khoán bảo vệ rừng phải theo địa bàn, sự quản lý, bảo vệ rừng thực tế của từng bản, theo phong tục, tập quán sinh hoạt và phải công khai có sự đồng thuận của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

### **III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHỈ THỊ 13-CT/TW**

Sau 5 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn huyện có nhiều tác động tích cực cả về kinh tế, xã hội, môi trường, bảo đảm quốc phòng an ninh; công tác quản lý nhà nước của hệ thống chính trị, ý thức của người dân được nâng lên; diện tích rừng, tỷ lệ che phủ rừng, kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng tăng qua các năm; giảm tình trạng phá rừng làm nương rẫy trái phép, tao công ăn việc làm, nâng cao mức sống cho người dân; từng bước tạo cho người làm nghề rừng có thể sống và gắn bó với rừng; bảo vệ tốt tài nguyên đất, nước, không khí, giảm nhẹ thiên tai, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

### **Phần III**

**Đề xuất quan điểm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng**

#### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

**1. Dự báo bối cảnh tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế có tác động đến việc công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng**

Trong bối cảnh tình hình phát triển kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, Đảng, Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách, cơ chế hợp lý nhằm thu hút phát triển sản xuất lâm nghiệp, từng bước tạo sự chuyển biến tích cực theo hướng xã hội hoá công tác bảo vệ và phát triển rừng. Trên địa bàn huyện, với điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp, diện tích quy hoạch cho lâm nghiệp tương đối lớn, Nhân



dân chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, có kinh nghiệm, truyền thống canh tác lâu đời, gắn bó với rừng. Tuy nhiên, mức đầu tư cho phát triển lâm nghiệp còn thấp, chưa thu hút được người dân tích cực tham gia bảo vệ và phát triển rừng; diện tích đất trống, đồi núi trọc của huyện còn khá lớn nhưng chủ yếu ở nơi có địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn; trình độ nhận thức của người dân trong lĩnh vực phát triển rừng còn hạn chế... Do vậy, trong thời gian tới các cấp ủy đảng, chính quyền cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; nâng cao trách nhiệm, sự vào cuộc của các cấp, các ngành, chủ rừng và Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện, đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu tham gia phát triển rừng.

## **2. Những vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng**

Thực hiện bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; xây dựng hồ sơ quản lý, phân định, đánh mốc ranh giới các loại rừng trên bản đồ và thực địa; giải quyết tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật; quản lý, thực hiện tốt việc giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng; giám sát chặt chẽ các dự án chuyên đồi mục đích sử dụng đất rừng; thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; quản lý thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn bảo vệ và phát triển rừng theo quy định; thực hiện quyết liệt, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; xử lý kịp thời, hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy; đấu tranh ngăn chặn tình trạng đốt rừng, phá rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ, lâm sản trái pháp luật.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

### **1. Quan điểm**

Không đánh đổi rừng, môi trường rừng lấy kinh tế; thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững; quản lý, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả diện tích rừng hiện có, nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và giá trị dịch vụ môi trường rừng, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển ngành lâm nghiệp bền vững; tạo việc làm, giảm nghèo, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường sinh thái và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Về môi trường: Nâng cao hiệu quả sử dụng rừng và đất lâm nghiệp, gắn với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học nhằm giảm nhẹ thiên tai, chống xói mòn, giữ nguồn nước, bảo vệ môi trường sống, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Đến năm 2025 tỷ lệ che phủ rừng đạt 51,82%; bảo vệ tốt 30.032 ha rừng hiện có; giai đoạn 2021-2025 trồng rừng mới 800 ha.

- Về kinh tế: Phát triển kinh tế rừng bền vững, khai thác hợp lý và sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai; xác định cơ cấu cây trồng hợp lý có giá trị kinh tế, phù



hợp với từng vùng sinh thái; nâng cao năng suất và chất lượng rừng đáp ứng nhu cầu gỗ nguyên liệu và chế biến lâm sản. Tổng giá trị sản phẩm ngành lâm nghiệp chiếm 10 -15% so với tổng giá trị sản phẩm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Về xã hội: Cải thiện đời sống của người dân, người làm nghề rừng, tạo việc làm, giảm nghèo bền vững, nâng cao trách nhiệm của người dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số; từng bước tạo cho cộng đồng, hộ gia đình phát triển kinh tế rừng, gắn bó với rừng.

- Về quốc phòng, an ninh: Lòng ghép thực hiện tốt các chương trình, dự án góp phần ổn định dân cư, nâng cao đời sống Nhân dân, thông qua đó giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn huyện.

### **III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢN TẠP TRUNG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền cho các tổ chức, doanh nghiệp, Nhân dân về nội dung, nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; vị trí, vai trò, giá trị kinh tế từ rừng trong sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu; các chủ trương, chính sách đầu tư của Nhà nước, từng bước chuyển đổi nhận thức của người dân chủ động trong việc thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; kiện toàn, củng cố và phân công rõ nhiệm vụ của cơ quan làm công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp; thực hiện tốt công tác phối hợp với các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện tốt các chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng; quản lý thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn bảo vệ và phát triển rừng hằng năm theo quy định; gắn mục tiêu bảo vệ, phát triển rừng với hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, việc làm, an sinh xã hội cho người dân; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và các thành phần kinh tế cùng tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

3. Rà soát, đánh giá, kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế, xã hội có tác động đến diện tích, chất lượng rừng; tăng cường công tác quản lý, giám sát chặt chẽ các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng. Kiên quyết đình chỉ, thu hồi đất đối với dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng có sai phạm, hoặc có nguy cơ gây thiệt hại lớn về rừng, môi trường sinh thái, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và đời sống người dân vùng dự án; xử lý nghiêm minh, công khai, minh bạch các tổ chức, cá nhân vi phạm, thiếu trách nhiệm trong công tác bảo vệ và phát triển rừng; nâng cao trách nhiệm hiệu quả hoạt động của Tổ chuyên trách bảo vệ rừng thôn bản.



4. Tăng cường hợp tác về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, thực hiện tốt các cam kết phù hợp với địa phương và theo quy định; đẩy mạnh công tác phối hợp với các huyện lân cận trong và ngoài tỉnh nhằm tăng cường trao đổi thông tin, tạo điều kiện cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân vào đầu tư, tham quan, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong việc thực hiện quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

5. Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện tốt công tác rà soát, xác định và đánh mốc ranh giới quản lý rừng; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan thực hiện điều tra, đo đạc, xây dựng hồ sơ quản lý, phân định, đánh mốc ranh giới các loại rừng trên bản đồ và thực địa đến đơn vị hành chính cấp xã; ranh giới quản lý rừng với các huyện Sa Pa, Bát Xát tỉnh Lào Cai, huyện Phong Thổ, Sìn Hồ tỉnh Lai Châu và ranh giới quản lý rừng của các chủ rừng; khắc phục và giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và xác định công tác bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; đẩy mạnh công tác trồng rừng, nâng cao giá trị đa dạng sinh học, hiệu quả kinh tế, khả năng cung cấp lâm sản, khả năng phòng hộ và các giá trị khác của rừng; ngăn chặn kịp thời, tình trạng suy thoái rừng; giám sát chặt chẽ việc chuyển đổi diện tích rừng theo quy định.

7. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát; kịp thời phát hiện xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy,
- Ban cán sự Đảng UBND tỉnh,
- TT Huyện ủy, HĐND, lãnh đạo UBND huyện,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ



Cao Trang Trọng



BIỂU 01. TỌNG HỢP SỐ LƯỢNG VĂN BẢN QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 13-CT/TW HUYỆN  
TAM ĐƯỜNG TỪ 01/01/2017- 30/12/2022  
(Kèm theo Báo cáo số 352-BC/HU, ngày 17/3/2023 của Huyện ủy Tam Đường)



DVT: Số văn bản

TT	Loại văn bản	Huyện ủy	HDND huyện	UBND huyện	Tổng số
1	Nghi quyết				0
2	Chỉ thị			5	5
3	Chương trình hành động				0
4	Hướng dẫn				0
5	Kế hoạch	2		3	5
6	Quyết định				0
7	Các văn bản khác (nếu có)			8	8
Toàn huyện		2	0	16	18







**BIỂU 02. TỔNG HỢP CÔNG TÁC TUYỂN TRUYỀN CHI THỊ 13-CT/TW HUYỆN TAM ĐƯỜNG (1/1/2017- 30/12/2022)**  
*(Kèm theo Báo cáo số 352-BC/HU, ngày 17/3/2023 của Huyện ủy Tam Đường)*



Tên đơn vị	Hội nghị		Tập huấn		Bài viết		Tuyển truyền trên truyền hình		Phóng sự		Tọa đàm		Phát thanh trên loa xã, phường		Tuyển truyền lưu động	
	Số lượng hội nghị	Số người tham gia hội nghị	Số lớp	Số lượng người tham gia	Số lần tổ chức thi viết	Số lượng bài viết	Số lần tuyển truyền	Số lần phát sóng	Số lượng bài phóng sự truyền hình	Số lượng bài phóng sự báo tri	Số lần tọa đàm	Số lượng người tham dự	Số lượng xã, phường	Số lần phát thanh	Hình thức tuyển truyền lưu động	Số lần
Huyện ủy	2	494														
Kiểm lâm			5	616										12		
Các xã, thị trấn	886	96.254													12	1.950
Trung tâm Văn hóa - thể thao và Truyền thông							5	118	20	20						Loa
Toàn huyện	888	96.748	5	616	0	0	5	118	20	20	0	0	12	1.950	0	120











**Biểu 05. THÔNG KÊ CÁC VĂN BẢN QPPL ĐÃ BAN HÀNH ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 13**  
(Kèm theo báo cáo số 352-BC/HU, ngày 17/3/2023 của Huyện ủy Tam Dương)



STT	Tên văn bản, số ký hiệu	Năm ban hành
I	Hội đồng nhân dân	
	Không	
II	Ủy ban nhân dân	
	Không	



BIỂU 6. TỔNG HỢP XỬ LÝ VI PHẠM VỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG HUYỆN TAM ĐƯỜNG TỪ 01/1/2017 - 30/12/2022



TT	Hạng mục	ĐVT	Các năm										Tổng hợp	
			2.017	2.018	2.019	2.020	2.021	2.022	Tổng số	b/q năm				
I	Số vụ vi phạm	Vụ	21,0	13,0	20,0	14,0	28,0	38,0	134,0	26,8				
1	Phá rừng trái phép	Vụ	6,0	4,0	7,0	8,0	11,0	13,0	49,0	9,8				
a	Phá rừng đặc dụng	Vụ												
-	Rừng tự nhiên	Vụ												
-	Rừng trồng	Vụ												
b)	Phá rừng phòng hộ	Vụ	3,0	2,0	4,0	2,0	1,0	1,0	12,0	2,4				
-	Rừng tự nhiên	Vụ				1,0			2,0	0,4				
-	Rừng trồng	Vụ												
c	Phá rừng sản xuất	Vụ	3,0	2,0	3,0	5,0	10,0	10,0	33,0	6,6				
-	Rừng tự nhiên	Vụ							1,0	0,2				
-	Rừng trồng	Vụ	1,0	2,0	1,0	1,0	13,0	8,0	26,0	5,2				
2	Khai thác rừng trái phép	Vụ	1,0	1,0	1,0	1,0	3,0	2,0	9,0	1,8				
3	Quy định về PCCC rừng	Vụ												
a)	Cháy rừng đặc dụng	Vụ												
-	Rừng tự nhiên	Vụ												
-	Rừng trồng	Vụ												
b)	Cháy rừng phòng hộ	Vụ					2,0		2,0	0,4				
-	Rừng tự nhiên	Vụ												
-	Rừng trồng	Vụ												
c)	Cháy rừng sản xuất	Vụ												
-	Rừng tự nhiên	Vụ												
-	Rừng trồng	Vụ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	2,0	7,0	1,4				
4	Quy định về sử dụng đất lâm nghiệp	Vụ												
-	Vi phạm các quy định về quản lý đồng, thực vật hoang dã (Cites)	Vụ												
5	Van chuyển, buôn bán lâm sản trái phép	Vụ	12,0	6,0	9,0	4,0	1,0	12,0	44,0	8,8				
6	Vi phạm về chế biến gỗ và lâm sản	Vụ												
7	Vi phạm khác	Vụ	1,0	0,0	2,0	0,0	0,0	3,0	6,0	1,2				
II	Số vụ đã xử lý	Vụ	0,0	0,0	0,0	1,0	0,0	0,0	1,0	0,0				
1	Xử lý hình sự	Vụ												
	Trong đó Số bị can	Người				1,0			1,0	0,2				
2	Xử phạt hành chính	Vụ	21,0	13,0	20,0	13,0	28,0	38,0	133,0	26,6				
III	Chống người thi hành công vụ	Vụ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0				
IV	Bị thiệt hại	Hà	13,2	2,5	1,7	1,5	1,5	0,8	21,2	4,2				
1	Cháy rừng	Hà	12,1	0,8	0,9	0,8	1,0	0,2	15,8	3,2				
a	Rừng đặc dụng	Hà												
-	Rừng tự nhiên	Hà												



TT	Hạng mục	ĐVT	Các năm						Tổng hợp				
			2.017	2.018	2.019	2.020	2.021	2.022	Tổng số	b/q năm			
-	Rừng trồng	Ha											
b	Rừng phòng hộ	Ha	0,0	0,0	0,0	0,0	1,0	0,0	1,0	0,0	1,0	0,2	0,2
-	Rừng tự nhiên	Ha					0,2		0,2		0,2	0,0	0,0
-	Rừng trồng	Ha					0,8		0,8		0,8	0,2	0,2
c	Rừng sản xuất	Ha	12,1	0,8	0,9	0,8	0,0	0,0	14,8	0,2	14,8	3,0	3,0
-	Rừng tự nhiên	Ha											
-	Rừng trồng	Ha	12,1	0,8	0,9	0,8	0,0	0,0	14,8	0,2	14,8	3,0	3,0
2	Phá rừng		1,1	1,8	0,7	0,7	0,5	0,6	5,4	0,6	5,4	1,1	1,1
a)	Rừng đặc dụng	ha											
-	Rừng tự nhiên	ha											
-	Rừng trồng	ha											
b)	Rừng phòng hộ	ha	0,6	0,1	0,4	0,5	0,1	0,1	1,8	0,1	1,8	0,4	0,4
-	Rừng tự nhiên	ha	0,6	0,1	0,4	0,3	0,0	0,1	1,5	0,1	1,5	0,3	0,3
-	Rừng trồng	ha				0,3	0,1		0,3		0,3	0,1	0,1
c)	Rừng sản xuất	ha	0,5	1,6	0,3	0,2	0,4	0,5	3,6	0,5	3,6	0,7	0,7
-	Rừng tự nhiên	ha	0,5	1,6	0,3	0,2	0,4	0,4	3,5	0,4	3,5	0,7	0,7
-	Rừng trồng	ha						0,1	0,1		0,1	0,0	0,0
V	Thu nộp ngân sách	1000đ	270.460,0	347.245,0	203.200,0	101.800,0	97.700,0	298.616,0	1.319.021,0	263.804,2	263.804,2		
VI	Lâm sản tịch thu	m3	2,4	0,0	0,5	0,0	1,5	38,2	42,6	8,5	42,6		
1	Gỗ tròn	m3	1,0	0,0	0,0	0,0	0,4	25,3	26,8	5,4	26,8		
	Trong đó gỗ quý hiếm	m3	0,6						0,6	0,1	0,6		
2	Gỗ xẻ	m3	1,4	0,0	0,5	0,0	1,0	12,9	15,8	3,2	15,8		
	Trong đó gỗ quý hiếm	m3											
VII	Động vật rừng bị tịch thu												
1	Theo con	Con	4,0	0,0	6,0	74,0	16,0	5,0	105,0	21,0	105,0		
2	Theo trọng lượng	Kg	73,5	121,0	186,0	16,0	13,0	18,7	428,2	85,6	428,2		
	Trong đó quý hiếm	Con	0,0	0,0	1,0	3,0	0,0	5,0	9,0	1,8	9,0		



**BIỂU 07. TỔNG HỢP CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC DỊCH KHÁC HUYỆN TAM ĐƯỜNG TỪ 01/01/2017 - 30/12/2022**



TT	Nhóm dự án	Diện tích các dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng chia theo loại rừng										Diện tích rừng đã được chuyển mục đích sử dụng rừng									
		Tổng Tông	Tổng RTN	Tổng RT	Đặc dụng RTN	RT	Phòng hộ RTN	RT	sân xuất RTN	RT	Tổng 12-13+1	Tổng RTN 13-13+ 17+19	Tổng RT 14-16+1 8+20	Đặc dụng RTN	RT	Phòng hộ RTN	RT	Sân xuất RTN	RT		
I	Nhóm dự án quốc phòng, an ninh	3-4+5 25,35	4- 6+8+10 20,35	5-7+9+11 5,00	6 0,00	7 0,00	8 6,54	9 0,78	10 13,81	11 4,23	12-13+1 4 0,39	13-13+ 17+19 0,00	14-16+1 8+20 0,39	15 0,00	16 0,00	17 0,00	18 0,39	19 0,00	20 0,00		
II	Nhóm dự án công trình công cộng, an sinh xã hội	18,43	13,81	4,62			0,39		13,81	4,23	0,39	0,00	0,39				0,39				
1	Dự án đường dây 220KV Phong Thổ - Thuận Uyên, tỉnh Lai Châu	0,39	0,39	0,00					0,39												
2	Xây dựng Đường vành đai nội thành phía Đông (quanh Lai Châu) - Bắc Xát (tỉnh Lào Cai)	2,86	0,75	2,11					0,75	2,11											
3	Xây dựng Đường liên xã Khuan Hà - BanBo, huyện Tam Đường	1,82	1,01	0,81					1,01	0,81											
4	Dự án nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (Sơn Thàng - Thôn Sơn - Mường Sô)	0,69	0,22	0,48					0,22	0,48											
5	Dự án kết nối GT các tỉnh MNTRB với cao tốc NBLC	12,28	11,44	0,83					11,44	0,83	0,36		0,36				0,36				
6	Xử lý đầm lầy KM 74+75 QL4D	0,36		0,36				0,36					0,36								
7	Xử lý đầm lầy tại nạn giao thông tại KM76+00 và KM88+400 QL 4D	0,04		0,04				0,04			0,04		0,04				0,04				
III	Nhóm dự án phát triển nông lâm nghiệp																				
IV	Nhóm dự án khai thác khoáng sản																				
V	Nhóm dự án đầu tư công nghiệp, du lịch, thương mại																				
VI	Nhóm dự án Thủy điện	6,92	6,54	0,39				0,39					0,39								
I	Thủy điện Nậm Thả I	6,92	6,54	0,39				0,39					0,39								
VII	Nhóm dự án khác																				

**Ghi chú:**  
 RDD: Rừng đặc dụng  
 RPH: Rừng phòng hộ  
 RSX: Rừng sản xuất  
 RTN: Rừng tự nhiên  
 RT: Rừng trồng



**BIỂU 08. TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN CÓ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG TRỒNG CAO SU HUYỆN TAM ĐƯƠNG TỪ 01/01/2017 - 30/12/2022**



TT	Tên dự án	Diện tích các dự án có đủ nghị quyết chuyển mục đích sử dụng rừng sang trồng cao su										Diện tích đã được chuyển mục đích sử dụng rừng sang trồng cao su									
		Tổng	Tổng RTN	Tổng RT	Đặc dụng		Phòng hộ		sân xuất		Tổng	Tổng RTN	Tổng RT	Đặc dụng		Phòng hộ		Sân xuất			
					RTN	RT	RTN	RT	RTN	RT				RTN	RT	RTN	RT	RTN	RT		
1	2	3 = 4+5	4 = 6+8+10	5 = 7+9+1	6	7	8	9	10	11	12 = 13+14	13 = 15+17+18	14 = 16+18+20	15	16	17	18	19	20		
	Tổng huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

GVH cấp:  
 RDD Rừng đặc dụng  
 RPH Rừng phòng hộ  
 RSSX Rừng sản xuất  
 RTN Rừng tự nhiên  
 RT Rừng trồng











**BIỂU 11. TÔNG DIỆN TÍCH GIAO RỪNG, CHO THUÊ RỪNG HUYỆN TAM ĐƯỜNG**  
(Kèm theo Bảo E-04/S8 352 BC/HU, ngày 17/3/2023 của Huyện ủy Tam Đường)



TT	Loại rừng	Diện tích giao theo chủ thể (ha)							Diện tích cho thuê (ha)						
		Tổng diện tích	BQL rừng đặc dụng	BQL rừng phòng hộ	Tổ chức kinh tế	Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang	Tổ chức KHHCN, đào tạo và tổ chức khác	Hộ gia đình, cá nhân	Cộng đồng dân cư	UBND xã	Tổng diện tích	Tổ chức kinh tế	Hộ gia đình, cá nhân	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đổi tương khác
I	Giao rừng, cho thuê rừng đến 1/1/2017														
I	Rừng đặc dụng														
-	Rừng tự nhiên														
-	Rừng trồng														
-	Đất chưa có rừng														
2	Rừng phòng hộ														
-	Rừng tự nhiên														
-	Rừng trồng														
-	Đất chưa có rừng														
3	Rừng sản xuất														
-	Rừng tự nhiên														
-	Rừng trồng														
-	Đất chưa có rừng														
II	Giao rừng, cho thuê rừng đến 30/12/2022			18 492,67	38,55						967,65	13 927,93			
I	Rừng đặc dụng														
-	Rừng tự nhiên														
-	Rừng trồng														
-	Đất chưa có rừng														
2	Rừng phòng hộ			17 703,76								6 291,28			



TT	Loại rừng	Diện tích giao theo chủ thể (ha)								Diện tích cho thuê (ha)					
		Tổng diện tích	BQL rừng đặc dụng	BQL rừng phòng hộ	Tổ chức kinh tế lượng vũ trang	Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang	Tổ chức KHHCN, đào tạo và tổ chức khác	Hộ gia đình, cá nhân	Cộng đồng dân cư	UBND xã	Tổng diện tích	Tổ chức kinh tế nhân	Hộ gia đình, cá nhân	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đối tượng khác
-	Rừng tự nhiên			17 390,55									6 285,16		
-	Rừng trồng			313,21									6 12		
-	Đất chưa có rừng														
<b>3</b>	<b>Rừng sản xuất</b>														
-	Rừng tự nhiên			788,91		38,55							967,65		
-	Rừng trồng			247,92									967,65		
-	Đất chưa có rừng			540,99		38,55							260,24		
<b>III</b>	<b>Giao rừng, cho thuê rừng 6 năm (2017-2022) = (II-I)</b>														
<b>I</b>	<b>Rừng đặc dụng</b>														
-	Rừng tự nhiên														
-	Rừng trồng														
-	Đất chưa có rừng														
<b>2</b>	<b>Rừng phòng hộ</b>														
-	Rừng tự nhiên			17 703,76									6 291,28		
-	Rừng trồng			17 390,55									6 285 16		
-	Đất chưa có rừng			313,21									6 12		
<b>3</b>	<b>Rừng sản xuất</b>														
-	Rừng tự nhiên			788,91		38,55							967,65		
-	Rừng trồng			247,92									967,65		
-	Đất chưa có rừng			540,99		38,55							260,24		











**BIỂU 13. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN RỪNG HUỖN TAM ĐƯỜNG TỪ 1/1/2017 ĐẾN 30/12/2022**

(Kế hoạch Báo cáo số 352-BC/HU, ngày 17/3/2023 của Huyện ủy Tam Đường)



TT	Chi tiêu	Tổng số	Trong đó						
			2017	2018	2019	2020	2021	2022	
I	<b>Phát triển rừng</b>								
1	Trồng rừng tập trung (ha)	596,48	160,90	190,41	127,44	-	24,79	92,94	
a	Rừng phòng hộ, đặc dụng								
b	Rừng sản xuất	596,48	160,90	190,41	127,44	-	24,79	92,94	
	<i>Trong đó:</i>								
-	Trồng rừng thay thế	127,08	127,08		13,55				
-	Đề án phát triển cây Sơn tra	67,12	33,82	19,75	113,89		24,79	15,00	
-	Trồng cây Mắc ca	284,55		170,66					
-	Trồng Chè cổ thụ	39,79							
-	Trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn	77,94			2.530	2.100	2.350	2.300	
2	Khoanh nuôi tái sinh (1.000 ha/năm)	13.466	4.186		274	1.771	2.217	1.220	
3	Trồng cây phân tán (cây)	5.682	100	100					
4	Chuyển hóa rừng kinh doanh gỗ lớn (1.000 ha)								
5	Tỷ lệ diện tích rừng trồng được kiểm soát chất lượng giống (%)								
6	Năng suất rừng trồng bình quân (m <sup>3</sup> /ha/năm)								
II	<b>Khai thác gỗ</b>								
	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung								







**Biểu 15. TỜNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VỐN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG HUYỆN TAM ĐƯỜNG GIAI ĐOẠN 2017-2022**



Kênh Hòa Báo cấp số 352-BC/HU, ngày 17/3/2023 của Huyện ủy Tam Đường

Đơn: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Các năm							Tổng	B/q
	2017	2018	2019	2020	2021	2022			
I. Tổng số	30,01	44,50	55,77	49,33	39,79	1,36	220,76	36,79	
1. Ngân sách nhà nước	2,44	2,09	2,04	1,22	0,50	1,36	9,65	1,61	
II. NSTW									
- Vốn đầu tư phát triển									
- Vốn sự nghiệp	2,44	2,09	2,04	1,22	0,50	1,36	9,65	1,61	
1.2. NSDP									
- Vốn đầu tư phát triển	2,44	2,09	2,04	1,22	0,50	1,36	9,65	1,61	
- Vốn sự nghiệp	27,57	42,41	53,73	48,11	39,29	0,00	208,28	41,66	
2. ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác									
- ODA	24,74	42,41	53,73	48,11	39,29	0,00	208,28	41,66	
- DVMTR	2,84								
- Vốn khác (tổ chức, cá nhân tư đầu tư ..)	2,84								
- Trồng rừng thay thế	2,84								







